

Số: /BC-CĐKT

Kon Tum, ngày 20 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO
Hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum;
- Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;
- Sở LĐ-TB&XH tỉnh Kon Tum.

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Kế hoạch số 663/KH-CĐKT ngày 06/12/2023 của Trường Cao đẳng Kon Tum về triển khai đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2023.

Trường Cao đẳng Kon Tum báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2023, cụ thể như sau:

I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

Tên trường: Trường Cao đẳng Kon Tum

Tên tiếng Anh: Kon Tum College (KTC)

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum

Địa chỉ Trường:

* Trụ sở chính: Số 14 Nguyễn Như Kon Tum, Tổ 3, Phường Ngô Mây, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

* **Các cơ sở:**

- Khoa Kinh tế - Nông lâm và Khu thực nghiệm: Đường Võ Nguyên Giáp, Tổ 10, Phường Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Khoa Y – Dược: Số 347 Bà Triệu, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Khoa Kỹ thuật - Công nghệ và các Trung tâm: Đường Trương Vĩnh Ký, Tổ 2, Phường Nguyễn Trãi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Số điện thoại:	0260.3864.929
Số Fax:	0206.3856.829
Email:	banquantri@cdkontum.edu.vn
Website:	https://cdkontum.edu.vn/
Năm thành lập Trường:	24/10/2017
Loại hình Trường:	Công lập

1. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Trường Cao đẳng Kon Tum

1.1. Cơ cấu tổ chức

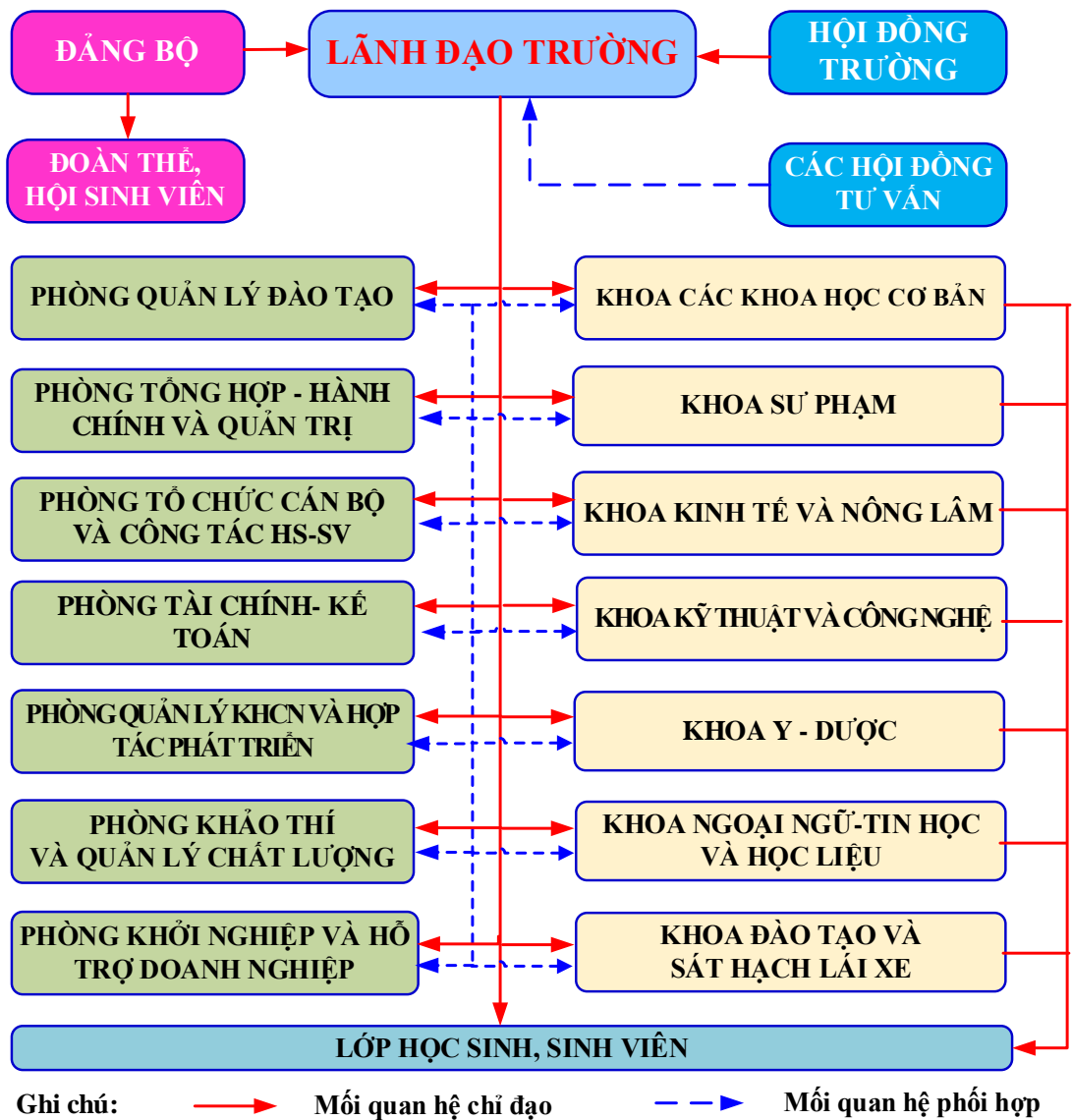
Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum được thành lập và chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 01/01/2018 trên cơ sở sáp nhập các trường: Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Kon Tum, Trường Cao đẳng Sư phạm Kon Tum, Trường Trung cấp Y tế Kon Tum và Trường Trung cấp nghề Kon Tum.

Ngày 16/5/2023 Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum đổi tên thành Trường Cao đẳng Kon Tum theo Quyết định số 635/QĐ-LĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Trường là đơn vị sự nghiệp công lập, tự chủ một phần chi thường xuyên, hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Cơ cấu tổ chức của nhà trường bao gồm:

- Lãnh đạo Trường: Hiệu trưởng và 3 Phó Hiệu trưởng
- Hội đồng trường: Có 17 thành viên trong đó Phó Chủ tịch UBND tỉnh là Chủ tịch Hội đồng Trường.
- Đảng bộ Trường: Ban Thường vụ Đảng ủy gồm 5 người và 8 chi bộ trực thuộc Đảng bộ Trường.
- Các đoàn thể, Hội sinh viên: Công đoàn Trường, Đoàn thanh niên và Hội sinh viên.
- Các đơn vị thuộc Trường: 7 phòng chức năng và 7 khoa chuyên môn
 - + Phòng chức năng: Phòng TH - Hành chính và Quản trị, phòng Tổ chức cán bộ và Công tác HSSV, phòng Quản lý Đào tạo, phòng Quản lý KHCCN và Hợp tác phát triển, phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng, phòng Tài chính – Kế toán, phòng Khởi nghiệp và Hỗ trợ doanh nghiệp
 - + Khoa chuyên môn: Khoa các Khoa học cơ bản, khoa Sư phạm, khoa Y – Dược, khoa Kinh tế và Nông lâm, khoa Kỹ thuật và Công nghệ, khoa Ngoại ngữ
 - Tin học và học liệu, khoa Đào tạo và Sát hạch lái xe

Ngoài ra nhà trường thành lập các Hội đồng tư vấn để giúp Lãnh đạo Trường thực hiện việc điều hành các hoạt động quản lý của nhà trường.



1.2. Nhân sự

a) Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1. Lãnh đạo Trường				
	Lê Trí Khải	1969	Tiến sĩ, Bác sĩ	Hiệu Trưởng
	Nguyễn Bình Dân	1963	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
	Nguyễn Trung Hiếu	1977	Bác sĩ CKI	Phó Hiệu trưởng
	Huỳnh Văn Chung	1978	Tiến sĩ	Phó Hiệu trưởng

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn				
Đảng bộ	Lê Trí Khải	1969	Tiến sĩ	Bí thư
Công Đoàn	Nguyễn Trung Hiếu	1977	Bác sĩ CKI	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Nguyễn Hồng Phong	1984	Thạc sĩ	Bí thư
3. Trưởng các phòng chức năng				
Phòng Tổng hợp - Hành chính & Quản trị	Nguyễn An Huấn	1966	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Tổ chức cán bộ - Công tác HSSV	Dương Văn Anh Dũng	1978	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Quản lý Đào tạo	Nguyễn Văn Phúc	1971	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng QLKHCN và HTQT	Nguyễn Văn Nam	1977	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng	Võ Đại Nam Anh	1967	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Tài chính – Kế toán	Lê Thị Hồng Nga	1980	Cử nhân	Trưởng phòng
Phòng Khởi nghiệp & Hỗ trợ doanh nghiệp	Nguyễn Hiền	1971	Kỹ sư	Trưởng phòng
4. Trưởng các khoa chuyên môn				
Khoa các Khoa học cơ bản	Nguyễn Hữu Hà	1974	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa Sư phạm	Lê Văn Bôn	1964	Tiến sĩ	Trưởng khoa
Khoa Y – Dược	Lê Thành Vinh	1971	Bác sĩ CKI	Trưởng khoa
Khoa Kinh tế và Nông lâm	Đoàn Văn Quang	1978	Thạc sĩ	Phó Trưởng khoa - Phụ trách khoa
Khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Hồ Minh Trị	1981	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa Ngoại ngữ - Tin học & Học liệu	Giã Tấn Việt	1975	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa Đào tạo & Sát hạch lái xe	Nguyễn Văn Thành	1984	Kỹ sư	Phó Trưởng khoa - Phụ trách khoa

1.3. Tổng số viên chức quản lý, nhà giáo của nhà trường:

Tính đến tháng 10/2023, tổng số cán bộ quản lý (CBQL), nhà giáo (NG), người lao động (NLĐ) trong Trường là: 249 người, trong đó:

- Biên chế: 205 người

- Hợp đồng lao động: 31 người

- Hợp đồng thỉnh giảng: 13 người

Đội ngũ NG: 212 người, trong đó:

- Nam: 113 người

- Nữ: 99 người

Giảng viên cơ hữu			
Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ	3		3
Thạc sĩ	51	63	114
Đại học	44	34	78
Cao đẳng	1		1
Trung cấp	1		1
Tổng số	100	97	197

2. Ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo của Trường Cao đẳng Kon Tum

2.1. Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành, nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo	Ghi chú
I	Trình độ cao đẳng		545		
1	Kế toán	6340301	50	Cao đẳng	
2	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6480102	30	Cao đẳng	
3	Công tác xã hội	6760101	70	Cao đẳng	
4	Quản trị văn phòng	6340403	40	Cao đẳng	
5	Chăn nuôi	6620119	40	Cao đẳng	
6	Nông nghiệp công nghệ cao	6620131	35	Cao đẳng	
7	Lâm sinh	6620202	40	Cao đẳng	
8	Dược	6720201	40	Cao đẳng	
9	Điều dưỡng	6720301	60	Cao đẳng	
10	Hộ sinh	6720303	40	Cao đẳng	

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành, nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo	Ghi chú
11	Công nghệ ô tô	6510216	40	Cao đẳng	
12	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	30	Cao đẳng	
13	Hàn	6520123	30	Cao đẳng	
II	Trình độ trung cấp		760		
1	Tiếng Anh du lịch	5220217	50	Trung cấp	
2	Kế toán doanh nghiệp	5340302	50	Trung cấp	
3	Pháp luật	5380101	60	Trung cấp	
4	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	5480102	25	Trung cấp	
5	Công nghệ thông tin	5480201	25	Trung cấp	
6	Hướng dẫn du lịch	5810103	30	Trung cấp	
7	Trồng trọt	5620110	40	Trung cấp	
8	Chăn nuôi - Thú y	5620120	40	Trung cấp	
9	Nông nghiệp công nghệ cao	5620131	35	Trung cấp	
10	Lâm sinh	5620202	40	Trung cấp	
11	Công nghệ ô tô	5510216	70	Trung cấp	
12	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	5510303	30	Trung cấp	
13	Cắt gọt kim loại	5520121	10	Trung cấp	
14	Hàn	5520123	50	Trung cấp	
15	Điện công nghiệp	5520227	70	Trung cấp	
16	Vận hành điện trong nhà máy thủy điện	5520251	60	Trung cấp	
17	May thời trang	5540205	75	Trung cấp	

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành, nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo	Ghi chú
III	Trình độ sơ cấp		1.480		
1	Tiếng Hàn Quốc		50	Sơ cấp	
2	Du lịch cộng đồng		90	Sơ cấp	
3	Nghiệp vụ lễ tân		90	Sơ cấp	
4	Giám đốc hợp tác xã nông nghiệp		110	Sơ cấp	
5	Cô đỡ thôn bản		80	Sơ cấp	
6	Nhân viên y tế thôn, làng		100	Sơ cấp	
7	Vận hành điện trong nhà máy thủy điện		60	Sơ cấp	
8	Hàn điện		50	Sơ cấp	
9	Vận hành máy xúc		60	Sơ cấp	
10	Dệt thổ cẩm		90	Sơ cấp	
11	Nề hoàn thiện		80	Sơ cấp	
12	Nề cốt thép		90	Sơ cấp	
13	Kinh doanh vận tải đường bộ		90	Sơ cấp	
14	Kỹ thuật chế biến món ăn		120	Sơ cấp	
15	Lái xe ô tô hạng B2		250	Sơ cấp	
16	Lái xe ô tô hạng C		70	Sơ cấp	
	Tổng: I+II+III		2.785		

2.2. Số lượng học sinh, sinh viên

TT	Năm tuyển sinh/trình độ, ngành nghề đào tạo	Số HSSV nhập học	Khóa học	Tổng số học sinh, sinh viên có mặt		
				Năm thứ 1	Năm thứ 2/TN	Năm thứ 3/TN
I	Trình độ cao đẳng					
1	Giáo dục mầm non	150	2021-2024			120
		22	2022-2025		21	
		22	2023-2026	22		
2	Công tác xã hội	29	2021-2024			20
		17	2022-2025		16	

TT	Năm tuyển sinh/trình độ, ngành nghề đào tạo	Số HSSV nhập học	Khóa học	Tổng số học sinh, sinh viên có mặt		
				Năm thứ 1	Năm thứ 2/TN	Năm thứ 3/TN
		28	2023-2026	28		
3	Quản trị văn phòng	13	2022-2025		11	
		11	2023-2026	11		
4	Dược	33	2021-2024			25
		31	2022-2025		28	
		51	2023-2026	51		
5	Điều dưỡng	51	2021-2024			38
		48	2022-2025		35	
		47	2023-2026	47		
6	Chăn nuôi	17	2022-2025		11	
		7	2023-2026	7		
7	Lâm sinh	39	2021-2024			32
		32	2022-2025		27	
		39	2023-2026	39		
8	Kế toán	19	2021-2024			12
		8	2022-2025		8	
		9	2023-2026	9		
9	Công nghệ ô tô	17	2021-2024			15
		10	2022-2025		9	
		20	2023-2026	20		
Tổng I		770		234	166	262
II	Trình độ trung cấp					
1	Chăn nuôi – Thú y	26	2022-2024		13	

TT	Năm tuyển sinh/trình độ, ngành nghề đào tạo	Số HSSV nhập học	Khóa học	Tổng số học sinh, sinh viên có mặt		
				Năm thứ 1	Năm thứ 2/TN	Năm thứ 3/TN
		29	2023-2025	29		
2	Hướng dẫn du lịch	15	2022-2024		12	
		30	2023-2025	30		
3	Kế toán doanh nghiệp	55	2022-2024		16	
4	Lâm sinh	37	2022-2024		30	
		20	2023-2025	20		
5	Nông nghiệp CNC	36	2022-2024		27	
		18	2023-2025	18		
6	Trồng trọt	7	2022-2024		6	
		18	2023-2025	18		
7	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	57	2022-2024		23	
		50	2023-2025	50		
8	Công nghệ ô tô	62	2022-2024		44	
		65	2023-2025	65		
9	Điện công nghiệp	51	2022-2024		19	
		51	2023-2025	51		
10	Hàn	48	2022-2024		36	
		66	2023-2025	66		
11	May thời trang	47	2022-2024		31	
		59	2023-2025	59		
12	Vận hành điện trong nhà máy thủy điện	25	2023-2025	25		
Tổng II		872		431	257	

TT	Năm tuyển sinh/trình độ, ngành nghề đào tạo	Số HSSV nhập học	Khóa học	Tổng số học sinh, sinh viên có mặt		
				Năm thứ 1	Năm thứ 2/TN	Năm thứ 3/TN
Tổng I+II		1642		665	423	262

3. Đơn vị phụ trách về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng

- Đơn vị phụ trách: Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng
- Số lượng viên chức: 7 người
- Nhiệm vụ quản lý chất lượng:

+ Tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành các văn bản, quy định về công tác quản lý chất lượng giáo dục nghề nghiệp và đào tạo giáo viên trong nhà trường; hướng dẫn theo dõi và kiểm tra việc thực hiện các văn bản về bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp của các đơn vị thuộc Trường.

+ Tham mưu đề xuất trình Hiệu trưởng các chủ trương, biện pháp quản lý chất lượng giáo dục trong nhà trường.

+ Tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác với các tổ chức, đơn vị và cá nhân ngoài trường về quản lý chất lượng giáo dục; tổ chức tập huấn cho viên chức và nhà giáo về hoạt động quản lý chất lượng giáo dục nghề nghiệp và đào tạo giáo viên; hướng dẫn, triển khai, kiểm tra công tác đảm bảo chất lượng tại các đơn vị thuộc Trường.

+ Hằng năm triển khai tự đánh giá chất lượng nhà trường, tự đánh giá các chương trình đào tạo; xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng trong nhà trường theo quy định.

- Điện thoại: 02603.910.001
- Email: ktqlcl@cdkontum.edu.vn

II. BÁO CÁO XÂY DỰNG, VẬN HÀNH, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

1. Tổng quan về hệ thống bảo đảm chất lượng đang vận hành

1.1. Đặt vấn đề

Hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp có ý nghĩa quan trọng để duy trì và cải tiến chất lượng hoạt động của Trường Cao đẳng Kon Tum, đặc biệt trong bối cảnh nhà trường phấn đấu đạt chuẩn trường cao đẳng chất lượng cao vào năm 2025.

Với định hướng xây dựng, phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng mang tính ổn định và bền vững, nhà trường đã xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong đúng nguyên tắc, thực hiện triển khai các nội dung bảo đảm chất lượng đáp ứng yêu cầu thực tiễn bao gồm: Xây dựng Chính sách chất lượng; Mục tiêu chất lượng; Kế hoạch thực hiện các mục tiêu chất lượng; Quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng và thực hiện tự đánh giá chất lượng nhà trường, chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược phát triển của nhà trường và của địa phương.

1.2. Thông tin về xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

a) Căn cứ xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

b) Mục đích xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường và nâng cao nhận thức của đội ngũ quản lý, viên chức, nhà giáo và học sinh, sinh viên về tầm quan trọng của công tác đảm bảo chất lượng đối với sự phát triển của nhà trường.

- Xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược phát triển của nhà trường.

c) Nguyên tắc, yêu cầu xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Tuân thủ các quy định hiện hành, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đào tạo và thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn.

- Nhân mạnh vai trò của người quản lý, gắn kết với quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường và lấy người học làm trung tâm.

- Huy động sự tham gia của tất cả cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người học trong nhà trường.

- Tiếp cận theo quá trình, đảm bảo tính hệ thống, gắn kết với tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong quản lý.

- Phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, dễ vận hành; liên tục cải

tiên, đơn giản hoá các thủ tục bảo đảm chất lượng và đảm bảo khoa học, hiệu quả, tiết kiệm.

d) Cách thức xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Công tác chuẩn bị:

+ Hiệu trưởng giao nhiệm vụ cho Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng là đơn vị phụ trách về công tác bảo đảm chất lượng.

+ Đánh giá thực trạng bộ máy, nhân sự và các điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

+ Lập kế hoạch xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng.

+ Tổ chức hướng dẫn về xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng cho viên chức quản lý, nhà giáo, nhân viên.

- Xây dựng hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng.

+ Xây dựng chính sách chất lượng

+ Xây dựng mục tiêu chất lượng

+ Xây dựng sổ tay bảo đảm chất lượng

+ Xây dựng quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng

- Phê duyệt và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng.

+ Hiệu trưởng phê duyệt các nội dung thuộc hệ thống bảo đảm chất lượng trước khi vận hành hệ thống trong nhà trường.

+ Hệ thống bảo đảm chất lượng được công bố công khai để toàn thể cán bộ, nhà giáo, nhân viên và các đối tượng có liên quan trong trường biết để triển khai thực hiện.

- Đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng.

+ Xây dựng kế hoạch đánh giá, cải tiến chất lượng.

+ Thực hiện đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng;

+ Phê duyệt báo cáo, công bố và lưu trữ.

1.3. Chính sách chất lượng của nhà trường giai đoạn 2021-2025

- Đào tạo đa ngành, đa nghề, đa cấp độ, đa dạng hóa các phương thức đào tạo; không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo theo chuẩn đầu ra để đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh, khu vực và hướng đến quốc tế.

- Đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo bảo đảm đủ trình độ, phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu công tác quản lý và chuyên môn; luôn lấy người học làm

trung tâm để đổi mới phương pháp dạy học, vận dụng hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực, hiện đại.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, quản lý, điều hành; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức đào tạo, quảng bá truyền thông để phát triển thương hiệu của Trường; hoàn thành cơ bản việc chuyển đổi số trong hoạt động của nhà trường vào năm 2025.

- Xây dựng đầy đủ chương trình, giáo trình đào tạo theo hướng phát triển năng lực cho người học, nâng cao tính hiệu quả, cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến đáp ứng xu thế phát triển của thị trường lao động.

- Trang thiết bị đào tạo nghề đáp ứng danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu theo quy định; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tiên tiến, hiện đại cho các ngành nghề mới, các ngành nghề công nghệ cao.

- Mở rộng, tăng cường mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong và ngoài nước để hợp tác đào tạo; tìm kiếm và giải quyết việc làm cho người học sau tốt nghiệp.

- Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, gắn ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ vào đào tạo, dịch vụ sản xuất phục vụ doanh nghiệp, địa phương, cộng đồng.

- Hệ thống bảo đảm chất lượng được xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến theo đúng quy định, đáp ứng yêu cầu phát triển nhà trường.

1.4. Mục tiêu chất lượng của nhà trường năm học 2023-2024

- Tuyển sinh đạt 80% trở lên tổng chỉ tiêu được giao; đẩy mạnh, đổi mới và đa dạng hóa các hoạt động trong công tác tuyển sinh để đạt quy mô đào tạo tối thiểu 1000 sinh viên hệ cao đẳng.

- 100% chương trình đào tạo các ngành, nghề đang đào tạo được cập nhật, xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực người học và đáp ứng theo yêu cầu chuẩn đầu ra.

- 100% nhà giáo thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin và đổi mới, cải tiến phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận năng lực.

- 100% các hoạt động quản lý, điều hành của nhà trường áp dụng việc chuyển đổi số.

- 100% học sinh, sinh viên được trang bị kiến thức khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, kỹ năng mềm, tổ chức tư vấn việc làm; có 80% trở lên học sinh, sinh viên tốt nghiệp sau 6 tháng có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

- Trường có ít nhất 1 (một) đề tài nghiên cứu khoa học ứng dụng thực

tiền hoặc chuyển giao công nghệ có hợp tác với doanh nghiệp; trường có hoạt động hợp tác với ít nhất 1 (một) trường nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

- Trang bị cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo hiện đại, tiên tiến và tổ chức quản lý nhà xưởng, thiết bị đào tạo đáp ứng theo tiêu chí trường chất lượng cao.

- Thực hiện tự đánh giá chất lượng nhà trường và các chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng theo đúng quy định, đảm bảo tiêu chuẩn trường cao đẳng chất lượng cao./.

1.5. Danh mục các lĩnh vực quản lý chất lượng thực hiện được xây dựng và vận hành

TT	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG (TÊN QUY TRÌNH)	MÃ SỐ
1	Tuyển sinh GDNN của Trường CĐCD Kon Tum	QT01
2	Khảo sát người học sau tốt nghiệp	QT02
3	Đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV	QT03
4	Tuyển dụng viên chức	QT04
5	Đánh giá, phân loại viên chức	QT05
6	Đăng ký, tiếp và làm việc với Đoàn vào	QT06
7	Tổ chức thi kết thúc học phần/môn học/mô đun	QT07
8	Biên soạn/cập nhật giáo trình đào tạo	QT08
9	Lựa chọn giáo trình đào tạo	QT09
10	Xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo	QT10
11	Quản lý dạy học nhóm ngành đào tạo giáo viên	QT11
12	Tổ chức thực tập tại cơ sở cho sinh viên ngành, nghề CTXH	QT12
13	Tổ chức thực hành tại cơ sở y tế cho HSSV	QT13
14	Cho thuê dịch vụ sát hạch lái xe mô tô hạng A1	QT14
15	Khảo sát lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động	QT15
16	Quản lý phòng máy tính	QT16
17	Quản lý mua sắm và cấp phát vật tư thực hành	QT17
18	Xét, công nhận tốt nghiệp cho HSSV	QT18
19	Quản lý và cấp phát văn bằng, chứng chỉ	QT19
20	Quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý các đơn vị thuộc Trường	QT20
21	Quản lý xưởng	QT21

TT	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG (TÊN QUY TRÌNH)	MÃ SỐ
22	Đánh giá kết quả học tập của HSSV	QT22
23	Quản lý, sử dụng, bảo trì và bảo dưỡng thiết bị	QT23
24	Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo	QT24
25	Tự đánh giá chất lượng nhà trường	QT25

1.6. Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng

Nhà trường đã thiết lập và giao cho phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng <https://baodamchatluong.cdkontum.edu.vn/>.

Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng của nhà trường đảm bảo được quản lý, vận hành theo quy chế do nhà trường ban hành và theo quy định của cơ quan quản lý.

2. Đánh giá, cải tiến

2.1. Đánh giá:

- a) Tổng số đợt đánh giá: 1 đợt.
- b) Tổng số đơn vị thuộc trường thực hiện tự đánh giá: 14 đơn vị.

2.2. Cải tiến

- a) Nội dung của từng lĩnh vực quản lý chất lượng được chỉnh sửa, bổ sung cải tiến

Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
Tổng số nội dung đang vận hành	8	
Số lượng nội dung thực hiện chỉnh sửa	0	
Số lượng nội dung được bổ sung	0	
Số lượng nội dung loại bỏ	0	

- b) Các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng được cải tiến

Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
Tổng số quy trình, công cụ đang vận hành	52	
Số lượng quy trình, công cụ thực hiện chỉnh sửa	23	
Số lượng quy trình, công cụ được bổ sung	2	
Số lượng quy trình, công cụ loại bỏ	27	

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm:

- Nhà trường luôn quan tâm và nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác bảo đảm chất lượng đối với sự ổn định và phát triển của nhà trường.

- Hệ thống đảm bảo chất lượng được xây dựng tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc, thực hiện đầy đủ các bước hướng dẫn theo quy định.

- Nhà trường đã thực hiện vận hành, đánh giá và có các chính sách cải tiến để hệ thống bảo đảm chất lượng được hoàn thiện, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về quản lý chất lượng trong nhà trường.

2. Tồn tại, hạn chế: Không.

3. Đề xuất, kiến nghị:

- Tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tầm quan trọng đối với hoạt động xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng cho đội ngũ nhà giáo, viên chức trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Các cơ quan quản lý chức năng có văn bản hướng dẫn cụ thể công tác xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng và cấp nguồn kinh phí để các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện.

Trên đây là Báo cáo hệ thống đảm bảo chất lượng năm 2023 của Trường Cao đẳng Kon Tum./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Trường;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Lưu: VT, KTQLCL.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Trí Khải